

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG**

\*

**Số 1934 - CV/TU**

*Nghiên cứu, tham mưu*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Lâm Đồng, ngày 25 tháng 10 năm 2022*

*Kính gửi:* Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Kế hoạch số 76-KH/UBKTTW về “*tổ chức thi nâng ngạch ngành Kiểm tra Đảng năm 2022*” (sao gửi kèm theo); Thường trực Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, tham mưu.

Trân trọng thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy để các đồng chí biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD<sub>3</sub>.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Hoàng Văn Bằng**

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
ỦY BAN KIỂM TRA**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022*

\*

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG	
Số 76-KH/UBKTTW	
Số: 10.82	ĐẾN
Ngày: 24-10-2022	
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

**KẾ HOẠCH**

**tổ chức thi nâng ngạch công chức ngành Kiểm tra Đảng năm 2022**

-----

- Căn cứ Chương trình công tác năm 2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Căn cứ Đề án số 02-ĐA/UBKTTW, ngày 19/9/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tổ chức thi nâng ngạch công chức ngành Kiểm tra Đảng năm 2022;
- Căn cứ Công văn số 4218-CV/BTCTW, ngày 05/10/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về Đề án thi nâng ngạch công chức ngành Kiểm tra Đảng năm 2022;

Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức từ kiểm tra viên lên ngạch kiểm tra viên chính (viết tắt là “nâng ngạch kiểm tra viên chính”), từ kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp (viết tắt là “nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp”) ngành Kiểm tra Đảng năm 2022, như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

a) Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành Kiểm tra Đảng; bảo đảm cơ cấu ngạch công chức theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn nhiệm vụ công chức được phân công trong cơ quan, đơn vị.

b) Tạo động lực để cán bộ, công chức ngành Kiểm tra Đảng phấn đấu, nâng cao trình độ, năng lực của bản thân trong thực thi nhiệm vụ được giao.

**2. Yêu cầu**

a) Việc tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ công chức, phù hợp với cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương; phối hợp tốt với các cơ quan liên quan (Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Hành chính Quốc gia, Công an thành phố Hà Nội...) trong thực hiện nhiệm vụ.

## **II. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI**

### **1. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp**

Cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch theo quy định tại Mục III của Kế hoạch này, cụ thể:

a) Tại Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A) được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ở một hoặc một số địa phương, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những phần việc chuyên môn nghiệp vụ khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

b) Tại Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và tương đương: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm thường trực, phó chủ nhiệm là tỉnh ủy viên hoặc tương đương, phó chủ nhiệm được quy hoạch chức danh là người đứng đầu các ban, ngành cấp tỉnh và tương đương trở lên, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A).

c) Cán bộ, công chức quy định tại điểm b khoản 1 này được luân chuyển về giữ chức danh Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A).

### **2. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính**

Cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch theo quy định tại Mục III của Kế hoạch này, cụ thể:

a) Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A) được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ở một hoặc một số địa phương, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những phần việc chuyên môn nghiệp vụ khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong cơ quan ủy ban kiểm tra đảng ở cấp tỉnh và tương đương trở lên.

b) Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ở cấp huyện và tương đương, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A).

c) Cán bộ, công chức quy định tại các Điểm a, b, Khoản 2 này được luân chuyển về giữ chức danh Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn và tương đương, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A).

## **III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

### **1. Điều kiện đăng ký dự thi**

Tại thời điểm hết thời hạn nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Cơ quan quản lý cán bộ, công chức có nhu cầu về vị trí việc làm của ngạch dự thi.

b) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm

2021; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

c) Đáp ứng đủ thời gian giữ ngạch:

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp: Có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính và tương đương từ đủ 06 năm (đủ 72 tháng) trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch kiểm tra viên chính thì thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính: Có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên và tương đương từ đủ 09 năm (đủ 108 tháng) trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch kiểm tra viên thì thời gian giữ ngạch kiểm tra viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản của Đảng hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học:

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp: Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính và tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản của Đảng (*Nghị quyết, Quy định, Quy chế, Quy trình, Chỉ thị, Văn kiện Đại hội Đảng từ cấp tỉnh trở lên*) hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành (nghiệm thu).

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính: Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản của Đảng (*Nghị quyết, Quy định, Quy chế, Quy trình, Chỉ thị, Văn kiện Đại hội Đảng từ cấp huyện trở lên hoặc 02 Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên của Đoàn kiểm tra, giám sát từ cấp huyện trở lên*) hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng hoặc đã được cấp có thẩm quyền ban hành (nghiệm thu).

Việc giao chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản của Đảng hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học được xác định như sau:

- Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo, Tổ biên tập; trường hợp không thành lập Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo, Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận của người có thẩm quyền.

- Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành, cấp tỉnh, cấp cơ sở trở lên hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật.

Công chức được tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ thì được đặc cách cử tham gia kỳ thi nâng ngạch kiểm tra viên chính nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, ngày 05/12/2017 của Chính phủ; điều kiện quy định tại Điểm a, b, d, Khoản 1 này; đảm bảo thời gian giữ ngạch kiểm tra viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) và tiêu chuẩn dự thi tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

## **2. Tiêu chuẩn dự thi**

### **2.1. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp**

Tại thời điểm hết thời hạn nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

c) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp theo Công văn số 1474-CV/BTCTW, ngày 13/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc giá trị sử dụng giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị trước ngày 09/7/2021.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

đ) Có chứng chỉ (chứng nhận) bồi dưỡng ngạch Kiểm tra Đảng hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hoặc bồi dưỡng chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh (do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cấp).

### **2.2. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính**

Tại thời điểm hết thời hạn nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

c) Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp theo Công văn số 1474-CV/BTCTW, ngày 13/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc giá trị sử dụng giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị trước ngày 09/7/2021.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

đ) Có chứng chỉ (chứng nhận) bồi dưỡng ngạch Kiểm tra Đảng hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát (do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cấp).

#### **IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

##### **1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch**

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

a) Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch, có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định.

c) Bản sao các quyết định minh chứng thời gian giữ ngạch.

d) Bản sao văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản của Đảng hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc các đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền ban hành (nghịệm thu).

đ) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định về tiêu chuẩn của ngạch dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

e) Bản sao văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực đối với trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có) theo quy định tại Khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ (trừ trường hợp được miễn thi ngoại ngữ do tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác).

g) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

## **2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi**

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của cán bộ, công chức được quy định như sau:

a) Cán bộ, công chức chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, có mục lục, sắp xếp theo trình tự và đánh số thứ tự tài liệu có trong hồ sơ.

b) Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi cán bộ, công chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm, theo quy định tại Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

c) Bản sao các văn bản, chứng chỉ, quyết định, văn bản, tài liệu thuộc thành phần hồ sơ dự thi nâng ngạch nêu tại Khoản 1, Mục IV này phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với văn bản do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành.

d) Cán bộ, công chức chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý, tính trung thực của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, cán bộ, công chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Mọi sự gian dối, thiếu trung thực hay giả mạo nội dung hồ sơ dự thi nâng ngạch sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy kết quả thi nâng ngạch.

## **3. Trách nhiệm tiếp nhận, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch**

a) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*đầu mối là Vụ Tổ chức - Cán bộ*) chịu trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của công chức trong các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo quy định pháp luật.

b) Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (*đầu mối là Ban Tổ chức, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra*) chịu trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương theo quy định pháp luật.

## **V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THI**

Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức thực hiện theo Nội quy, Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Môn thi, hình thức thi, thời

gian và nội dung thi được quy định cụ thể như sau:

## **1. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp**

### ***a) Môn Kiến thức chung***

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 60 phút.

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức theo yêu cầu của ngạch kiểm tra viên cao cấp.

### ***b) Môn Ngoại ngữ***

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 30 phút.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi kiểm tra khả năng sử dụng ngoại ngữ (một trong 05 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc).

Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp quy định tại Khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

### ***c) Môn Chuyên môn, nghiệp vụ***

- Hình thức thi: Thi viết đề án và thi bảo vệ đề án.

- Thời gian thi: Thời gian tối đa thi viết đề án là 08 tiếng; thời gian tối đa thi bảo vệ đề án là 30 phút/thí sinh.

- Nội dung thi thuộc các chủ đề: (1) Lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng; (2) Giám sát thường xuyên của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp; (3) Giám sát chuyên đề của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp; (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; (5) Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của ủy ban kiểm tra đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; (6) Nâng cao chất lượng giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; (7) Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên; (8) Phương châm “công minh, chính xác, kịp thời” trong thi hành kỷ luật Đảng; (9) Nâng cao chất lượng thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; (10) Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của ủy ban kiểm tra; (11) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, giúp cấp ủy của ủy ban kiểm tra các cấp; (12) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

## **2. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính**

### ***a) Môn Kiến thức chung***

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.



- Thời gian thi: 60 phút.

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức theo yêu cầu của ngạch kiểm tra viên chính.

***b) Môn Ngoại ngữ***

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 30 phút.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi kiểm tra khả năng sử dụng ngoại ngữ (một trong 05 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc).

Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp quy định tại khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

***c) Môn Chuyên môn, nghiệp vụ***

- Hình thức thi: Thi viết.

- Thời gian thi: 180 phút.

- Nội dung thi trong Tài liệu ôn thi nâng ngạch công chức ngành Kiểm tra Đảng năm 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 324-QĐ/UBKTTW, ngày 15/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các quy định hiện hành về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng.

## **VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI VÀ PHÍ DỰ THI**

### **1. Thời gian tổ chức thi**

***a) Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính***

Kỳ thi được tổ chức trong **3 ngày (từ ngày 19/12/2022 đến hết ngày 21/12/2022)**, cụ thể:

- Ngày 19/12/2022 (buổi Sáng): Làm thủ tục dự thi; Khai mạc kỳ thi.
- Ngày 19/12/2022 (buổi Chiều): Thi môn Ngoại ngữ (30 phút).
- Ngày 20/12/2022 (buổi Sáng): Thi môn Kiến thức chung (60 phút).
- Ngày 20/12/2022 (buổi Chiều): Thi môn Kiến thức chung (60 phút)-tiếp.
- Ngày 21/12/2022 (buổi Sáng): Thi môn Chuyên môn, nghiệp vụ (180 phút).

***b) Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp***

Kỳ thi được tổ chức trong **4 ngày (từ ngày 21/12/2022 đến hết ngày 24/12/2022)**, cụ thể:

- Ngày 21/12/2022 (buổi Chiều): Làm thủ tục dự thi; Khai mạc kỳ thi.
- Ngày 22/12/2022 (buổi Sáng): Thi môn Ngoại ngữ (30 phút).

- Ngày 22/12/2022 (buổi Chiều): Thi môn Kiến thức chung (60 phút).
- Ngày 23/12/2022 (cả ngày): Thi viết đề án (8 tiếng).
- Ngày 24/12/2022 (buổi Sáng): Thi bảo vệ đề án.
- Ngày 24/12/2022 (buổi Chiều): Dự phòng.

**2. Địa điểm thi:** Học viện Hành chính Quốc gia, số 77 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**3. Phí dự thi nâng ngạch:** Phí dự thi nâng ngạch của cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC, ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

## **VII. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN**

1. Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi kiến thức chung và môn thi ngoại ngữ, trừ trường hợp miễn thi ngoại ngữ. Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính và bảo vệ đề án.

2. Có kết quả điểm bài thi môn Chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại Mục V Kế hoạch này đạt từ 50 điểm trở lên, trường hợp thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp thì phải đạt từ 100 điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và bài thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên của mỗi bài thi) và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch.

3. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Công chức là nữ; công chức là người dân tộc thiểu số; công chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); công chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức.

4. Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

## **VIII. CHỈ TIÊU NÂNG NGẠCH**

1. Cơ quan, địa phương, đơn vị đã phê duyệt (chính thức hoặc tạm thời) vị trí việc làm kèm theo ngạch kiểm tra viên cao cấp, kiểm tra viên chính và biên chế tương ứng theo vị trí việc làm thì chỉ tiêu nâng ngạch được xác định theo số lượng vị trí việc làm còn thiếu của ngạch dự thi, đảm bảo đúng đối tượng.

Trường hợp số lượng cán bộ, công chức của từng cơ quan, địa phương, đơn vị thực tế được cử dự thi bằng hoặc thấp hơn chỉ tiêu nâng ngạch theo vị trí việc làm

còn thiếu thì không phải thực hiện nguyên tắc cạnh tranh.

2. Cơ quan, địa phương, đơn vị chưa phê duyệt vị trí việc làm kèm theo ngạch kiểm tra viên cao cấp, kiểm tra viên chính và biên chế tương ứng theo vị trí việc làm thì chỉ tiêu nâng ngạch được xác định bảo đảm tỷ lệ cạnh tranh là 20% (từ trên 0,7 làm tròn thành 1) và số dư tối thiểu 01 người, trừ trường hợp chỉ có 01 người dự thi.

Trường hợp số lượng cán bộ, công chức của từng cơ quan, địa phương, đơn vị thực tế được cử dự thi bằng hoặc thấp hơn chỉ tiêu nâng ngạch đã được quyết định thì tiếp tục áp dụng tỷ lệ cạnh tranh là 20% (từ trên 0,7 làm tròn thành 1) và số dư tối thiểu 01 người, trừ trường hợp chỉ có 01 người dự thi.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương**

a) Quyết định Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch; thành lập Hội đồng thi nâng ngạch, Ban Giám sát.

b) Phân công các đồng chí Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi.

c) Quyết định danh sách cán bộ, công chức đúng đối tượng, có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch và chỉ tiêu nâng ngạch công chức.

d) Công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức.

đ) Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các kỳ thi nâng ngạch và xử lý các vấn đề phát sinh theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi.

**2. Hội đồng thi nâng ngạch, các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi nâng ngạch, Ban Giám sát và cán bộ, công chức tham dự các kỳ thi:**

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; tuân thủ các quy định về phòng chống dịch Covid-19 của cơ quan có thẩm quyền.

**3. Giao Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Hội đồng thi nâng ngạch tổ chức các kỳ thi nâng ngạch đảm bảo đúng quy định.**

**4. Nội quy, quy chế các kỳ thi:** thực hiện theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét

thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

### **5. Cơ quan quản lý cán bộ, công chức**

Cơ quan quản lý cán bộ, công chức (Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *đầu mối là Vụ Tổ chức - Cán bộ*; các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, *đầu mối là Ban Tổ chức, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra*) có trách nhiệm:

a) Căn cứ Kế hoạch này, thông báo công khai, kịp thời đến các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về kế hoạch và thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức tại cơ quan, đơn vị để cán bộ, công chức thuộc đối tượng, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

b) Căn cứ vị trí việc làm còn thiếu của ngạch dự thi và đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn dự thi, tổ chức rà soát lại danh sách cán bộ, công chức đã đăng ký nhu cầu dự thi nâng ngạch (*theo Công văn số 1990-CV/UBKTTW, ngày 08/7/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc khảo sát nhu cầu thi nâng ngạch công chức ngành Kiểm tra Đảng năm 2022*); xem xét, thẩm định, quyết định và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với quyết định của mình về kết quả thẩm định, xét duyệt đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ của cán bộ, công chức được cử dự thi nâng ngạch.

c) Gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*qua Vụ Đào tạo-Bồi dưỡng*) **trước ngày 14/11/2022**, đồng thời gửi tệp điện tử (file excel hoặc word) qua hộp thư Lotus Notes (*Vo Sy Manh@ubkttw*) hồ sơ cử cán bộ, công chức dự thi gồm các tài liệu sau đây:

- Văn bản cử cán bộ, công chức đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi kèm theo danh sách trích ngang (*theo đúng Mẫu số 01A, 01B dành cho thi nâng ngạch kiểm tra viên chính; Mẫu số 02A, 02B dành cho thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp và Hướng dẫn kê khai thông tin gửi kèm*);

- Bản sao văn bản phê duyệt vị trí việc làm kèm theo ngạch kiểm tra viên cao cấp, kiểm tra viên chính và biên chế tương ứng theo vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi nâng ngạch;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực đối với trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định tại Khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ (trừ trường hợp được miễn thi ngoại ngữ do tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác).

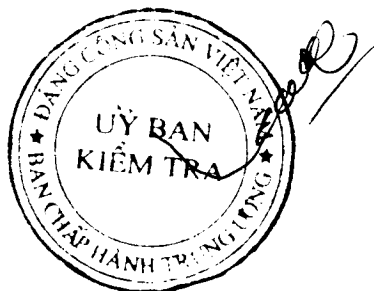
Sau thời hạn trên, nếu Ủy ban Kiểm tra Trung ương không nhận được hồ sơ cử cán bộ, công chức dự thi thì được hiểu là cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức ngành Kiểm tra Đảng năm 2022.

Kế hoạch này kèm theo các mẫu, hướng dẫn kê khai thông tin và các thông tin phục vụ kỳ thi được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (<http://ubkttw.vn>, mục Thông báo - Văn bản mới). Trong quá trình thực hiện nếu cần trao đổi, hướng dẫn hoặc có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, đồng chí Võ Sỹ Mạnh, điện thoại: 080.45530; 0914.542.888) *tr*

**Nơi nhận:**

- Đồng chí Chủ nhiệm (để b/c),
- Ban Tổ chức Trung ương (để p/h),
- BTV các TU, thành ủy, ĐU trực thuộc TW,
- UBKT các TU, thành ủy, ĐU trực thuộc TW (văn bản, qua mạng),
- Các đồng chí Thành viên UBKTTW,
- Các đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Các vụ, đơn vị thuộc CQUBKTTW,
- Trang TTĐT UBKTTW (để đăng tải),
- Lưu: VT,LT-CNTT, Vụ ĐT-BD (5b).

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA  
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**



**Trần Văn Rón**

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THÔNG TIN

Dùng bảng mã Unicode, kiểu gõ Telex, Font chữ Times New Roman để nhập dữ liệu  
(kèm theo Kế hoạch số 76-KH/UBKTTW, ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

### MẪU SỐ 01A (02A). DANH SÁCH CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ KTV (KTVCC) LÊN NGẠCH KTVCC (KTVCC)

#### I. NHU CẦU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở NGẠCH KTVCC/KTVCC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Chỉ liệt kê đơn vị có công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi ở Mục II)

Cột	Nội dung kê khai	Ví dụ
(2)	Ghi rõ tên đơn vị có cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch năm 2022 nêu ở Mục II	Cơ quan UBKT tỉnh A
(3)	Ghi rõ biên chế theo vị trí việc làm ở ngạch KTVCC (KTVCC) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đơn vị: người)	3
(4)	Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTVCC (KTVCC) hiện có, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch (đơn vị: người)	1
(5)	Số lượng công chức ở ngạch KTVCC (KTVCC) còn thiếu theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (người)=Biên chế theo vị trí việc làm ở ngạch KTVCC (KTVCC) ở Cột 3 trừ đi Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTVCC (KTVCC) hiện có ở Cột 4	2
(6)	Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành văn bản phê duyệt vị trí việc làm kèm theo ngạch công chức tương ứng và biên chế theo vị trí việc làm của cơ quan có thẩm quyền. Có thể gộp các dòng nếu cùng 1 quyết định/văn bản. Lưu ý: Gửi kèm văn bản cử cán bộ, công chức dự thi	QĐ/TB/KL 123-QĐ/TU, ngày 5/10/2019
(7)	Ghi rõ số lượng cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo từng cơ quan, đơn vị	3

#### II. DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH KTVCC (KTVCC)

Cột	Nội dung kê khai	Ví dụ
(2)	Họ và tên (viết hoa, có dấu)	NGUYỄN VĂN A
(3)	Ngày tháng năm sinh	07/05/1975
(4) (5)	Đánh dấu X vào giới tính Nam hoặc Nữ	x
(6)	Chức vụ (Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Trưởng phòng...) hoặc chức danh công tác (Kiểm tra viên, Kiểm tra viên chính)	Chủ nhiệm
(7)	Đơn vị công tác (UBKT đối với CN, PCN,UV; Cơ quan UBKT đối với Trưởng/phó phòng, KTV chính...)	UBKT huyện A/Cơ quan UBKT huyện A
(8)	Xác định thời gian giữ ngạch KTV (KTVCC) và tương đương (đơn vị: tháng). Tính đủ tháng đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch. Cột (8) đã bao gồm thời gian kê khai ở Cột (9)	148
(9)	Xác định thời gian giữ ngạch KTV (KTVCC)(đơn vị: tháng). Tính đủ tháng đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch	54
(10)	Mã số ngạch hiện giữ. Nếu cán bộ luân chuyển thì Cột ghi chú ghi rõ "Cán bộ luân chuyển"	04.025A
(11)	Hệ số lương hiện hưởng, không ghi tỷ lệ % vượt khung	3,99
(12)	Trình độ chuyên môn cao nhất: Cử nhân, Kỹ sư, Thạc sĩ, Tiến sĩ. Nếu tốt nghiệp nhiều bằng cử nhân/thạc sĩ thì chọn 01 bằng để kê khai.	Thạc sĩ
(13)	Văn bằng, chứng chỉ về trình độ chính trị: Trung cấp (TC); Cao cấp (CC); Cao cấp Lý luận chính trị-Hành chính (CCLL-HC); Cử nhân chính trị (CNCT); Tương đương Trung cấp (viết tắt "TĐ Trung cấp"); Tương đương Cao cấp (viết tắt "TĐ Cao cấp"). Đối với các trường hợp tương đương, ghi rõ vào cột ghi chú: Giấy chứng nhận tương đương do đơn vị nào cấp theo đúng CV của Ban TCTW	CC
(14)	Trình độ QLNN: Chuyên viên (viết tắt "CV"); Chuyên viên chính (viết tắt "CVC"); Chuyên viên cao cấp (viết tắt "CVCC"); Cao cấp Lý luận Chính trị - Hành chính (viết tắt "CCLL-HC")	CVC

(15)	Chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch KT, GS: Kiểm tra viên (viết tắt là "KTV"); Kiểm tra viên chính (viết tắt là "KTVC"); Kiểm tra viên cao cấp (viết tắt là "KTVCC"); Bồi dưỡng chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm (viết tắt là "BDCN"); Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát (viết tắt là "BDNV"). Nếu khác thì ghi rõ	KTV
(16)	Trình độ tin học: Cơ bản (TT03), Nâng cao (TT03), A, B, C, MOS, IC3. Nếu khác thì ghi rõ.	Cơ bản (TT03)
(17)	Trình độ ngoại ngữ: Cao đẳng, Đại học, A, B, C, Bậc 3 (TT01) hoặc Bậc 4 (TT01) hoặc Bậc 5 (TT01), A1, A2, B1, B2, C1, C2, IELTS, TOEFL..... Nếu không thuộc các chứng chỉ, chứng nhận trên thì ghi rõ. Lưu ý: Không ghi tiếng dân tộc thiểu số.	B1
(18)	Đánh dấu "x" nếu được miễn thi ngoại ngữ. Sau đó, kê khai thông tin cụ thể lý do được miễn thi ngoại ngữ ở Mẫu số 01B (02B)	x
(19)	Lựa chọn một trong 5 ngoại ngữ đăng ký thi dự thi (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) nếu không thuộc đối tượng được miễn thi ngoại ngữ	Anh
(20)	Số lượng văn bản, đề án, công trình <b>chủ trì xây dựng, thẩm định</b>	1
(21)	Số lượng văn bản, đề án, công trình <b>tham gia xây dựng, thẩm định</b>	2
(22)	Ghi rõ một trong các mức xếp loại chất lượng công tác năm 2021 sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (viết tắt là "HTXS"), Hoàn thành tốt nhiệm vụ (viết tắt là "HTT"), Hoàn thành nhiệm vụ (viết tắt là "HT")	HTT
(23)	Số điện thoại di động của cán bộ, công chức (có thể kết nối Zalo)	0912 456 456

**MẪU SỐ 01B (02B). DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC MIỄN THI NGOẠI NGỮ**

Cột	Nội dung kê khai	Ví dụ
(2)	Họ và tên (viết hoa, có dấu)	NGUYỄN VĂN A
(3)	Ngày tháng năm sinh	07/05/1975
(4)	Ghi rõ số năm, tháng còn lại tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu	36 tháng
	<b>Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số</b>	
(5)	Ghi rõ Tiếng dân tộc được cấp chứng chỉ	Khmer
(6)	Ngày tháng năm cấp chứng chỉ	05/10/2015
(7)	Số hiệu chứng chỉ	A071642
(8)	Số vào sổ cấp chứng chỉ	2715.16
	<b>Người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số</b>	
(9)	Tên dân tộc thiểu số	Tày
(10)	Nơi công tác	Huyện Si Ma Cai
	<b>Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ</b>	
(11)	Ghi rõ trình độ tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ	Đại học
(12)	Ngoại ngữ	Tiếng Anh
(13)	Ngày tháng năm cấp bằng tốt nghiệp	05/10/2005
(14)	Số hiệu bằng tốt nghiệp	1033753
(15)	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp	0139/16CQ
(16)	Đơn vị cấp bằng tốt nghiệp	Trường ĐH Hà Nội
	<b>Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định</b>	
	<b>Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở nước ngoài cấp</b>	
(17)	Trình độ tốt nghiệp	Thạc sĩ
(18)	Ngày tháng năm cấp bằng tốt nghiệp	25/10/2018
(19)	Cơ sở đào tạo, quốc gia	Trường Đại học London, Vương quốc Anh
	<b>Giấy công nhận văn bằng</b>	
(20)	Số vào sổ đăng ký	00646/CNVB-ĐH
(21)	Ngày tháng năm cấp giấy công nhận văn bằng	25/11/2019

CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MẤU SỐ 01A

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ THI NÂNG NGẠCH  
TỪ KIỂM TRA VIÊN LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH NĂM 2022  
(kèm theo Công văn/Quyết định số .....ngày..... tháng.....năm..... của Ban Thường vụ...)

I. NHU CẦU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở NGẠCH KTVK THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Chỉ liệt kê đơn vị có cán bộ, công chức đủ điều kiện dự thi ở Mục II)

STT	Tên đơn vị	Biên chế theo VTVL ở ngạch KTVK được phê duyet (người)	Số lượng công chức ở ngạch KTVK hiện có	Số lượng công chức ở ngạch KTVK còn thiếu theo VTVL (người)	Văn bản phê duyệt VTVL kèm theo biên chế và ngạch công chức tương ứng (có tài liệu gửi kèm)	Số lượng cán bộ, công chức	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)
	Tổng số	35	22	13		9	
1	Cơ quan UBKT tỉnh A	15	10	5	QĐ/TB/KL 123-QĐ/TU, ngày 20/10/2019	3	
2	UBKT ĐUK các cơ quan tỉnh	12	7	5		3	
3	Cơ quan UBKT huyện B	8	5	3		3	

II DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức vụ hoặc chức danh	Đơn vị công tác	Thời gian giữ ngạch		Mức lương hiện hưởng		Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch KTVK						Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Số lượng văn bản, đề án, công trình		Mức xếp loại chất lượng công tác năm 2021	Điện thoại di động	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngạch KTV và tương đương (tháng)	Ngạch KTV (tháng)	Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương g	Trình độ chuyên môn cao nhất	Trình độ chính trị	Trình độ nghiệp vụ KT, GS	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ								
																Chủ			Tha m gia				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	x		Chủ nhiệm Huyện A	UBKT Huyện A	148	54	04.025A	4,98	Cử nhân	CC	CVC	KTV	B	BI	x	Anh	1	1	HTT	0912456456	
Tổng số:...																							

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(Khi cần trao đổi liên hệ

ĐTDD:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên



CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MÁU SỐ 01B

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC MIỄN THI NGOẠI NGỮ  
TẠI KỲ THI NĂNG NGẠCH TỪ KIỂM TRA VIÊN LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH NĂM 2022  
(kèm theo Công văn/Quyết định số ..... ngày..... tháng..... năm..... của Ban Thường vụ.....)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác (tháng)	Lý do được miễn thi ngoại ngữ										Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định					Ghi chú		
				Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số				Người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số			Cơ bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ										
				Tiếng dân tộc	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ	Tên dân tộc	Nơi công tác	Trình độ	Ngoại ngữ	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ gốc cấp bằng	Đơn vị cấp bằng	Bằng tốt nghiệp				Giấy công nhận văn bằng	
																Trình độ	Ngày cấp	Cơ sở đào tạo, quốc gia		Số vào sổ đăng ký	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	36 tháng	Tày	03/10/2010	A071642	2715.16	Tày	Huyện Sĩ Ma Cai	Đại học	Tiếng Anh	05/10/2000	1033753	0139/16CQ	Trường ĐH Hà Nội	Thạc sĩ	03/10/2015	ĐH London, Anh	00646/C NVB-ĐH	03/10/2018	
2	....																				
	Sắp xếp theo đúng thứ tự Họ và tên ở Mục II, Mẫu số 01A																				
Tổng số:																					

Lưu ý: Gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ kê khai ở trên

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ THI NÂNG NGẠCH  
TỪ KIỂM TRA VIÊN CHÍNH LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP NĂM 2022  
(kèm theo Công văn/Quyết định số .....tháng.....năm 2022 của Ban Thường vụ...)

I. NHU CẦU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở NGẠCH KTVCC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Chi liệt kê đơn vị có cán bộ, công chức đủ điều kiện dự thi ở Mục II)

STT	Tên đơn vị	Biên chế theo VTVL ở ngạch KTVCC được phê duyệt (người)	Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTVCC hiện có theo VTVL(người)	Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTVCC còn thiếu theo VTVL (người)	Văn bản phê duyệt giao biên chế theo VTVL (có văn bản gửi kèm theo)	Số lượng cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)
		3	1	2		1	
1	Cơ quan UBKT tỉnh A	3	1	2	QĐ/TB/KL 123-QĐ/TU, ngày 20/10/2019	1	

II. DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức vụ hoặc chức danh	Đơn vị công tác	Thời gian giữ ngạch		Mức lương hiện hưởng		Văn bản chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch KTVCC						Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Số lượng văn bản, đề án, công trình		Mức xếp loại chất lượng công tác năm 2021	Điện thoại di động	Ghi chú
			Nam	Nữ			Ngạch KTVC và tương đương (tháng)	Ngạch KTVC (tháng)	Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn cao nhất	Trình độ chính trị	Trình độ nghiệp vụ KT, GS	Trình độ ngoại ngữ	Chủ trì	Tham gia							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	x		Chủ nhiệm	UBKT tỉnh A	240	47	04.024 A	4,98	Cử nhân	CC	CVCC	KTVC	CB (TT03)	BI	x	Anh	1	2	HTT	0912456456	
Tổng số:...																							

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(Khi cần trao đổi liên hệ

ĐTDD:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC MIỄN TÌM NGOẠI NGỮ  
TẠI KỲ THI NĂNG NGẠCH TỪ KIỂM TRA VIÊN CHÍNH LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP NĂM 2022  
(kèm theo Công văn/Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ban Thường vụ.....)

Lý do được miễn thi ngoại ngữ																						
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác	Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số				Người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ								Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định				Ghi chú
				Tiếng dân tộc	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ	Tên dân tộc công tác	Nơi	Trình độ	Ngoại ngữ	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ gốc cấp bằng	Đơn vị cấp bằng	Trình độ	Ngày cấp	Cơ sở đào tạo, quốc gia	Số vào sổ đăng ký	Giấy công nhận văn bằng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	36 tháng	Tày	03/10/2010	A071642	2715.16	Tày	Huyện Sĩ Ma Cai	Đại học	Tiếng Anh	05/10/2000	1033753	0139/16CQ	Trường ĐH Hà Nội	Thạc sĩ	03/10/2015	Trường ĐH London, Vương quốc Anh	00646/C NVB-ĐH	03/10/2018		
2	....																					
	Sắp xếp theo đúng thứ tự Họ và tên ở Mục II, Mẫu số 02A																					
Tổng số:																						

Lưu ý: Gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ kê khai ở trên

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên